TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 108/2019/DS-PT
Ngày: 07-10-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Khương
Các Thẩm phán: Ông Vũ Hoàng Linh
Ông Bùi Thanh Thảo

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2019/TLPT-DS ngày 11/9/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐ-PT ngày 24/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1938 "Vắng mặt".

Trú tại địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T: Ông Ngô Quốc Ch, sinh năm: 1973 "Có mặt".

Trú tại địa chỉ: Tổ 12, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1974 "Vắng mặt".
Bà Phan Thị Ngọc Ph, sinh năm: 1972 "Có mặt".

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ 30, khu phố T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Ông H ủy quyền cho bà Ph tham gia tố tụng.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Xuân H, Bà Phan Thị Ngọc Ph.

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2018 của Cụ Nguyễn Hồng T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền Ông Ngô Quốc Ch trình bày:

Vào khoảng tháng 8/2016 cụ T có cho vợ chồng con trai là Ông H và con dâu là bà Ph vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay không lập giấy tờ, đến ngày 01/11/2016 bà Ph, Ông H đã trả cho cụ T 20.000.000 đồng, đến tháng 6/2017 trả tiếp số tiền 5.000.000 đồng, cả hai lần trả đều không lập giấy biên nhận. Số tiền nợ gốc còn lại chưa trả là 15.000.000 đồng.

Ngày 16/3/2017, cụ T tiếp tục cho vợ chồng ông H, bà Ph vay số tiền 400.000.000 đồng, hẹn 01 năm sẽ trả, thỏa thuận lãi suất theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước. Khi vay có lập giấy viết tay "Giấy mượn tiền" do bà Ph, ông H ký, sau đó cụ T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông H, bà Ph không trả.

Đến ngày 26/10/2017 cụ T yêu cầu bà Ph, Ông H trả tiền nhưng vợ chồng ông H, bà Ph không trả mà bắt ông Tuyến phải ghi vào trang sau của "Giấy mượn tiền" nội dung: "Tôi là Nguyễn Hồng Tuyến - 1938 tôi hiện đang ở xã Tiến Hưng, ấp 2, xóm 5, Suối Đợi Chờ. Tôi ở nhà con Nguyễn Xuân Thảo. Ngày 16/3/2017 tôi cho mượn số tiền 400 triệu đồng. Nay H P đã trả xong nợ 400.000.000đồng. Từ nay về sau là xong nợ", nội dung này cụ T viết là do cần lấy tiền nợ nên cụ T phải ghi theo ý kiến của bà Ph, nếu không ghi thì bà Phkhông trả tiền, sau đó bà Ph, Ông H không trả tiền ngay cho cụ T mà bảo cụ T ra Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để trả tiền bằng hình thức chuyển khoản cho cụ T với số tiền 240.000.000 đồng, số tiền còn lại là 160.000.000 đồng đến nay bà Ph, Ông H đều chưa trả cho cụ T. Sự việc trả tiền cụ T có ghi âm lại để làm bằng chứng việc vay trả nợ.

Nay, cụ T yêu cầu bà Ph, Ông H phải có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng còn lại của khoản vay 40.000.000đ vào khoảng tháng 8/2016 và số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng còn lại của số tiền vay 400.000.000 đồng vay ngày 16/3/2017.

Cụ T yêu cầu tính lãi suất (theo lãi suất Ngân hàng nhà nước) của số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày vay 16/3/2017 cho đến ngày trả 26/10/2018 là: là 07 tháng 10 ngày, với số tiền lãi suất, cụ thể là: 400.000.000đồng x 0,75%/tháng x 07 tháng 10 ngày = 22.000.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 175.000.000 đồng (bao gồm 15.000.000 đồng còn lại của số tiền gốc vay 40.000.000 đồng và 160.000.000 đồng còn lại của số tiền gốc vay 400.000.000 đồng) từ ngày 27/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/11/2018) là 12 tháng 20 ngày, cụ thể: 175.000.000đ x 0,75% x (12 tháng 20 ngày) = 16.200.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi suất là 38.200.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi suất là 213.200.000 đồng.

Bị đơn Bà Phan Thị Ngọc Ph đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Vợ chồng bà Ph, Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T, bà Phcho rằng cụ T có tặng cho vợ chồng bà số tiền 400.000.000 đồng để vợ

chồng làm nhà, chứ không phải cho vay, nhưng để anh em trong gia đình khỏi ganh tỵ hai bên có lập giấy vay mượn. Trong thời gian cụ T cho tiền thì cụ T về ở với vợ chồng bà Ph, Ông Hkhoảng 07 tháng và bà đã trả cho cụ T số tiền 160.000.000 đồng, cụ thể: Khoảng đầu tháng 06/2017 trả 60.000.000 đồng; ngày 25/6/2017 trả 50.000.000 đồng; đầu tháng 8/2017 trả 15.000.000 đồng, tổng cộng 3 lần trả cho cụ T là 125.000.000 đồng, cộng với tiền ăn 07 tháng mỗi tháng 5.000.000đồng/tháng là 35.000.000đồng. Như vậy, tổng cộng vợ chồng bà Ph, Ông Hđã trả cho cụ T được 160.000.000 đồng, khi trả tiền do cha con nên không có lập giấy tờ gì, không có ai làm chứng. Số tiền gốc còn lại 240.000.000 đồng chị Phượng đã trả cho cụ T trả qua tài khoản của ngân hàng vào ngày 26/10/2017. Nên vợ chồng bà Ph, Ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của của ông Tuyến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS - ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cụ Nguyễn Hồng T.

Buộc Bà Phan Thị Ngọc Ph và Ông Nguyễn Xuân H phải liên đới trả cho Cụ Nguyễn Hồng T số tiền gốc vay là 160.000.000 đồng và lãi suất của số tiền 160.000.0000 đồng (tính từ ngày 26/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/11/2018) là 15.200.000 đồng.

Buộc Bà Phan Thị Ngọc Ph và Ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm trả cho Cụ Nguyễn Hồng T lãi suất của số tiền 400.000.000đ tính từ ngày 16/3/2017 cho đến ngày 26/10/2017 là 22.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi suất buộc Bà Phan Thị Ngọc Ph và Ông Nguyễn Xuân H phải trả cho Cụ Nguyễn Hồng T (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/11/2018) là 197.200.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29/11/2018, Ông Nguyễn Xuân H, Bà Phan Thị Ngọc Ph kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T đối với yêu cầu buộc ông H, bà Phphải trả số tiền nợ gốc và số tiền lãi suất của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 27/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền nợ gốc và lãi suất của số tiền 160.000.000 đồng từ ngày 17/03/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T đối với yêu cầu buộc bà Ph, Ông Hphải trả cho cụ T số tiền lãi suất của số tiền 400.000.000 đồng (từ ngày 16/3/2017 đến ngày 26/10/2017) và lãi suất của số tiền 160.000.000 đồng từ ngày 27/10/2017 đến ngày 16/3/2018 theo lãi suất ngân hàng Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà Ph và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, bà Ph. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ "Giấy mượn tiền" (bút lục 71) thể hiện vào ngày 16/3/2017 cụ T có cho vợ chồng con trai là Ông H và bà Ph vay số tiền 400.000.000 đồng, có chữ ký của bà Ph, Ông H ký nhận, hẹn 01 năm sau sẽ trả, lãi suất thỏa thuận tính theo lãi suất Ngân hàng nhà nước. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm ông H, bà Phthừa nhận có vay cụ T số tiền 400.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được Tòa án xác định là sự thật, các đương sự không phải chứng minh.

Tuy nhiên, vợ chồng ông H, bà Ph cho rằng đã trả hết số tiền trên cho cụ T, cụ thể các lần trả như sau: Khoảng đầu tháng 06/2017 trả 60.000.000 đồng; ngày 25/6/2017 trả 50.000.000 đồng; đầu tháng 8/2017 trả 15.000.000 đồng, tổng cộng 3 lần trả cho cụ T là 125.000.000 đồng, cộng với tiền ăn 07 tháng mỗi tháng 5.000.000đồng/tháng là 35.000.000 đồng, tổng cộng vợ chồng bà Ph, Ông Hđã trả cho cụ T được 160.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày này của vợ chồng bà Ph không được cụ T và Ông Ngô Quốc Ch là người được cụ T ủy quyền thừa nhận nhưng vợ chồng bà Phkhông xuất trình được giấy tờ chứng minh cho việc đã thanh toán cho cụ T số tiền 160.000.000 đồng. Bà Ph, Ông H đưa ra chứng cứ là mặt sau của "Giấy mượn tiền" cụ T có ghi xác nhận vợ chồng ông H, bà Ph đã trả xong nợ cho cụ T, nội dung: *"Tôi là Nguyễn Hồng Tuyến -1938 tôi hiện đang ở xã Tiến Hưng, ấp 2, xóm 5 suối Đợi Chờ. Tôi ở nhà con Nguyễn Xuân Thảo. Ngày 16/3/2017 tôi cho mượn số tiền 400 triệu đồng. Nay Hiền Phượng đã trả xong nợ 400.000.000 đồng. Từ nay về sau là xong nợ".* Xét mặt sau của "Giấy mượn tiền" được cụ T thừa nhận là chữ viết, chữ ký của mình, nhưng cụ T cho rằng hai bên thỏa thuận bằng lời nói sau khi viết xong thì bên bà Phsẽ trả đủ 400.000.000 đồng nhưng sau khi lập giấy xong thì bà Ph với cụ T có ra Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Đồng Phú, bà Ph chỉ chuyển trả cho cụ T vào tài khoản của cụ T số tiền 240.000.000 đồng, còn lại số tiền 160.000.000 đồng chưa trả. Xét lời trình bày của cụ T là có căn cứ bởi lẽ, tại thời điểm cụ T viết biên nhận nội dung nêu trên

cho bà Ph thì có mặt ông Nguyễn Xuân Th và bà Nguyễn Thị Nh là anh trai và chị dâu của Ông H chứng kiến và có ký vào phía dưới phần của cụ T viết với tư cách là người làm chứng. Tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, ông Thảo và bà Nhài đều xác định, ngày 26/10/2017 cụ T có viết giấy có nội dung xác nhận bà Phđã trả hết nợ cho cụ T, nhưng là thỏa thuận lập giấy trước rồi trả tiền sau, nhưng sau khi viết giấy thì bà Ph không trả tiền ngay cho cụ T mà sau đó bà Ph cùng với cụ T ra ngân hàng, tại ngân hàng bà Ph có chuyển khoản trả cho cụ T số tiền 240.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả.

Như vậy, số tiền 400.000.000 đồng vợ chồng ông H, bà Ph vay của cụ T vào ngày 16/3/2017, vợ chồng ông H, bà Ph mới trả được cho cụ T là 240.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản (bút lục số 73)), còn lại số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất vợ chồng bà Ph, Ông H chưa trả cho cụ T. Do đó kháng cáo của ông H, bà Phcho rằng số tiền gốc còn lại là 160.000.000 đồng đã trả bằng tiền mặt vào các ngày khoảng đầu tháng 06/2017 trả 60.000.000 đồng, ngày 28/6/2017 trả 50.000.000 đồng, đầu tháng 8/2017 trả 15.000.000 đồng, ngày 26/10/2017 trả 35.000.000 đồng bằng hình thức cấn trừ 7 tháng tiền ăn ở của cụ T là không có căn cứ chấp nhận. Toà án sơ thẩm buộc bà Ph, Ông Hphải trả cho cụ T số tiền 160.000.000 đồng và lãi suất của số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ khách quan trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà Ph, Ông H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T đối với yêu cầu buộc ông H, bà Phphải trả số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và lãi suất của số tiền này từ ngày 27/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cụ Nguyễn Hồng T đối với yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông H, bà Ph phải trả số tiền 15.000.000 đồng (tiền nợ gốc) và lãi suất. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú về phần này không được Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T đối với yêu cầu buộc ông H, bà Phphải trả số tiền nợ gốc và lãi suất của số tiền 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại mục [1] của phần Nhận định Hội đồng xét xử đã nêu rõ là ông H, bà Phkhông chứng minh được đã trả cho cụ T số tiền 160.000.000 đồng còn nợ. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú về phần này không được chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T đối với yêu cầu buộc ông H, bà Phphải trả cho cụ T số tiền lãi suất của số tiền 400.000.000 đồng (từ ngày

16/3/2017 đến ngày 26/10/2017) và lãi suất của số tiền 160.000.000 đồng từ ngày 27/10/2017 đến ngày 16/3/2018 theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 16/3/2017, cụ T cho vợ chồng ông H, bà Ph vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng, thời hạn vay 01 năm (ngày 16/3/2018). Như vậy, đây là là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất là phù hợp với khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là sai sót. Do đó, cần sửa lại về áp dụng điều luật cho phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông H, bà Phcho rằng đã trả hết số tiền nợ gốc cho cụ T và chưa trả lãi. Do đó, ông H, bà Phphải trả số tiền lãi theo thỏa thuận đối với khoản vay 400.000.000 đồng từ ngày 16/3/2017 đến ngày 16/3/2018. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất của khoản vay 400.000.000 đồng từ ngày 16/3/2017 đến ngày 26/10/2017, cụ thể: 400.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 7 tháng 10 ngày = 22.000.000 đồng, đây là sự tự định đoạt của đương sự nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với lãi suất của số tiền 160.000.000 đồng được tính từ ngày 27/10/2017 đến ngày 15/11/2018, cụ thể: 160.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 12 tháng 20 ngày = 15.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi suất ông H, bà Phphải trả cho cụ T là 37.200.000 đồng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót khi áp dụng điều luật nên kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú về phần này là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú về phần án phí, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án sơ thẩm buộc cụ T phải chịu án phí của số tiền 15.000.000 đồng đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bởi lẽ, cụ T, sinh năm 1939, ngày 17/3/2018 cụ T nộp đơn khởi kiện thì cụ T đã 79 tuổi là người cao tuổi. Theo quy định nêu trên thì cụ T được miễn án phí. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú về phần này có căn cứ được chấp nhận.

[6] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T được Tòa án chấp nhận buộc bị đơn bà Phvà Ông Hphải trả 197.200.000 đồng, do đó bà Ph và Ông H phải chịu án phí số tiền là: 9.896.000 đồng (197.200.000 đồng x 5% án phí = 9.896.000 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T đối với số tiền 15.000.000 đồng và lãi suất không được chấp nhận lẽ ra cụ T phải chịu án phí. Tuy nhiên, cụ T là người cao tuổi nên được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm nên ông H, bà Phkhông phải chịu án phí theo quy định.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Xuân H, Bà Phan Thị Ngọc Ph.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 92 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cụ Nguyễn Hồng T.

Buộc Bà Phan Thị Ngọc Ph và Ông Nguyễn Xuân H phải liên đới trả cho Cụ Nguyễn Hồng T số tiền 160.000.000 đồng tiền nợ gốc và số tiền 37.200.000 đồng tiền nợ lãi. Tổng cộng là 197.200.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cụ Nguyễn Hồng T về việc đề nghị Tòa án buộc Bà Phan Thị Ngọc Ph và Ông Nguyễn Xuân H phải liên đới trả số tiền 15.000.000 đồng và lãi suất.

3. Về án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân H và Bà Phan Thị Ngọc Ph phải chịu án phí: 9.896.000 đồng (Chín triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Cụ Nguyễn Hồng T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho cụ T số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) (do Ông Ngô Quốc Ch nộp thay) theo Biên lai thu tiền số 0024572 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Xuân H và Bà Phan Thị Ngọc Ph không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú hoàn trả lại cho ông H, bà Phsố tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Phđã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010535 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú.

4. Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Đồng Phú;
- CCTHADS huyện Đồng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (TDS, HSVA, THCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán **Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đình Loan **Lê Viết Phong** **Nguyễn Văn Khương**